TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 315A/2024/HS-PT
Ngày: 17/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Thảo;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đg;

Bà Lê Thị Mai.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Xuân Thành - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Văn Biểu, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 344/2024/TLPT-HS ngày 12 tháng 3 năm 2024 do có kháng cáo của bị cáo Triệu Văn N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2024/HS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Triệu Văn N, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn TH, xã MT, huyện HH, tỉnh Bắc Giang; Q tịch: Việt N; giới tính: N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; con ông Triệu Văn Nh, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Tsinh năm 1966; có vợ là Nguyễn Thị B sinh năm 1996 và có 02 con (lớn sinh năm 2013 nhỏ sinh năm 2016); không có tiền án, tiền sự; nhân thân:

- Tại Bản án số 292/2008/HSST ngày 21/8/2008 của Toà án nhân dân quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội tuyên phạt Triệu Văn N 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng về tội "Trộm cắp tài sản".

- Tại Bản án số 157/2015/HSPT ngày 20/8/2015 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang tuyên phạt Triệu Văn N 04 tháng tù về tội "Đánh bạc";

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/11/2022 đến nay; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Ngô Thị T– Luật sư Văn phòng Luật sư Vũ Anh H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều tối ngày 20/10/2022, Triệu Văn N gặp anh Phạm Bá D tại phòng trọ của anh Nguyễn Văn Q và anh Lê Quý Đ ở xóm 6, xã MY, huyện TT, thành phố Hà Nội. Tại đây, N đưa cho anh D 2.000.000 đồng và nhờ anh D thuê hộ xe ô tô tự lái để đi chơi thì được anh D đồng ý. Sau đó, anh D đã thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, loại xe XPander, biển kiểm soát 30H-604.53 của anh Phạm Tiến H, sinh năm 1971, trú tại thôn VY, xã NH, huyện TT, thành phố Hà Nội dưới hình thức thuê xe tự lái với giá 900.000 đồng/ngày. Anh H làm Hợp đồng thuê xe đề ngày 21/10/2022 với anh D (do D thuê xe cuối ngày 20/10/2022 nên hai bên thống nhất tính tiền thuê từ ngày 21/10/2022) và giao cho anh D giấy chứng nhận đăng kiểm, giấy biên nhận thế chấp của Ngân hàng đối với xe ô tô trên (do xe anh H đang thế chấp vay tiền Ngân hàng). Sau đó, anh D điều khiển xe thuê được của anh H về phòng trọ của Đ và Q rồi giao xe cho N. N sử dụng chiếc xe trên để đi lại.

Đến ngày 21/10/2022, N nhận được điện thoại từ mẹ là bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966, trú tại thôn TH, xã MT, huyện HH, tỉnh Bắc Giang thông báo việc con gái N là cháu Triệu Huyền A bị bệnh đau mắt, cần tiền chữa trị và bảo N nếu có tiền thì gửi về để chữa mắt cho con. Do không có tiền nên N đã nảy sinh ý định mang chiếc xe ô tô trên đi bán để lấy tiền chữa trị cho con và chi tiêu cá nhân.

Chiều ngày 21/10/2022, N điều khiển xe ô tô nêu trên đến nhà anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1985, trú tại thôn TT, xã TM, huyện LN , tỉnh Bắc Giang, tại đây N được anh S nhờ đưa sang nhà anh Vũ Văn V, sinh năm 1990 ở thôn NN, xã MA, huyện LN, tỉnh Bắc Giang ăn cơm, uống rượu. Khi đến nhà anh V, N gặp anh Lưu Văn Đ, sinh năm 1987, trú tại thôn I, xã TM, huyện LN, tỉnh Bắc Giang là người N quen biết từ trước. N đặt vấn đề cầm cố chiếc xe ô tô trên cho anh Đ1 nhưng anh Đ1 từ chối và bảo N hỏi anh V xem anh V có nhu cầu hay không. Sau đó, N đặt vấn đề muốn bán chiếc xe đó cho anh V, anh V hỏi về nguồn gốc xe thì N nói xe trên là của N, do N mua lại từ người đứng tên đăng ký xe là anh Phạm Tiến H, hiện xe đang được thế chấp vay trả góp tại ngân hàng và cho anh V xem giấy tờ kèm theo gồm giấy chứng nhận bảo hiểm, giấy chứng nhận đăng kiểm và giấy biên nhận thế chấp xe ô tô do Ngân hàng TPBank cấp mang tên Phạm Tiến H. N thoả thuận bán chiếc xe cho anh V với giá 150.000.000 đồng. Anh V đã trả cho N 89.000.000 đồng bằng tiền mặt và chuyển khoản số tiền 14.000.000 đồng vào tài

khoản số 0877.022.888 của N mở tại Ngân hàng VPBank. N viết giấy bán xe và giao xe cùng giấy tờ liên quan cho anh V giữ. Còn lại số tiền 47.000.000 đồng, ngày 22/10/2022, theo yêu cầu của N, anh V đã trả cho N bằng cách chuyển vào tài khoản số 1088.7270.2230 của anh Nguyễn Văn S là bạn N mở tại Ngân hàng Vietinbank, anh S đã chuyển cho N số tiền này.

Sau khi bán xe cho anh V, N về nhà đưa cho bà Nguyễn Thị T số tiền 40 triệu đồng để chữa mắt cho cháu HA là con của N. Đến ngày 24/10/2022, N nhờ anh Trương Văn M, sinh năm 1981, trú tại thôn TT, xã TM, huyện LN thông báo cho D biết về việc N đã cầm cố xe ô tô nêu trên tại huyện LN, tỉnh Bắc Giang và bảo D tìm cách giải quyết. Sau đó N không liên lạc với D nữa, đồng thời tắt máy điện thoại rồi đi vào miền N chơi và chi tiêu hết số tiền còn lại.

Sau khi nhận xe từ N, anh V đã cho anh Lưu Văn Đ mượn để đi lại. Anh D sau khi biết thông tin N đã cầm cố chiếc xe trên tại huyện LN thì thông báo cho anh H biết. Đến rạng sáng ngày 26/10/2022, thông qua thiết bị định vị, anh H phát hiện ra vị trí chiếc xe ô tô của mình nên đã cùng với anh Duy, anh Q, anh Đ, anh Lưu Mạnh C, sinh năm 1995, trú tại thôn VY, xã NH, huyện TT, thành phố Hà Nội và 02 thanh niên khác (hiện chưa xác định được lai lịch) đi tìm xe của mình. Anh Đ1 điều khiển xe ô tô trên theo đường tỉnh lộ 289, hướng từ xã BS, huyện LN đi xã ND, huyện LN. Khi đến địa phận thôn B, xã ND, anh Đ1 dừng xe lại để đổi lái cho chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1996, trú tại thôn L, xã HG, huyện LN thì nhóm của anh H đi đến mở cửa xe yêu cầu anh Đ1, chị C ra khỏi xe để trả xe cho anh H nếu không sẽ báo Công an. Sau đó D lái xe ô tô vừa tìm được chở C1, Đ và 01 N giới trong nhóm cùng anh H và anh Q về Hà Nội.

Trên đường về, anh C1 phát hiện trên xe Mitsubishi XPander của anh H có 01 túi đeo chéo, bên trong có 01 điện thoại Iphone 12 Pro max và 01 điện thoại Nokia 106 (là tài sản của anh Đ1 vẫn để trên xe), anh Đ được giao quản lý tài sản này để trả lại cho anh Đ1 sau. Đến ngày 27/10/2022, anh Đ đem chiếc túi đựng 02 điện thoại của anh Đ1 vứt bỏ tại khúc kênh dẫn nước chảy ra sông Hồng thuộc xóm 6, xã MY, huyện TT, thành phố Hà Nội. Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp truy tìm nhưng không thu giữ được.

Ngày 02/11/2022, N ra đầu thú và thừa nhận hành vi chiếm đoạt xe ô tô của mình. Tuy nhiên, tại Cơ quan điều tra, N chỉ thừa nhận cầm cố chiếc xe ô tô cho anh V để vay số tiền 150.000.000 đồng, với lãi suất 4.000 đồng/1 triệu đồng/ ngày trong thời hạn 15 ngày, anh V cắt lãi trước của N số tiền 9.000.000 đồng và chỉ trả cho N số tiền 141.000.000 đồng bằng cả tiền mặt và chuyển qua tài khoản Ngân hàng; N không thừa nhận bán xe cho anh V như anh V khai, việc N viết "Giấy bán xe" cho anh V là theo yêu cầu của anh V. Do lời khai mâu thuẫn, Cơ quan điều tra đã cho N và anh V đối chất nhưng các bên vẫn giữ nguyên lời khai của mình.

- Anh Phạm Tiến H, Lưu Mạnh C, Phạm Bá Duy, Nguyễn Văn Q, Lê Quý Đ và 02 thanh niên (chưa rõ danh tính) có hành vi tìm, lấy lại chiếc xe ô tô của anh Phạm Tiến H: Quá trình điều tra xác định, hành vi của nhóm anh H là nhằm lấy lại tài sản mình đã bị Triệu Văn N chiếm đoạt; không có ý thức chiếm đoạt tài sản của người khác nên hành vi này không cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

- Lê Quý Đ có hành vi ném bỏ chiếc túi bên trong có 02 chiếc điện thoại (tổng trị giá 18.300.000 đồng) của anh Lưu Văn Đ: Đ không có ý định chiếm đoạt số tài sản này của anh Đ1 và đã tự nguyện bồi thường cho anh Đ1 số tiền 20.000.000 đồng, anh Đ1 cũng không đề nghị gì thêm nên chưa đủ căn cứ xử lý hình sự đối với Đ. Cơ quan điều tra không khởi tố hình sự và tách hành vi này để xem xét xử lý riêng.

- Bà Nguyễn Thị T (mẹ N) có hành vi nhận của N số tiền 40.000.000 đồng để đi chữa bệnh cho con N. Khi đưa cho bà Tám số tiền này, N không nói cho bà Tám biết đó là tiền do N phạm tội mà có. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với bà Tám.

- Vũ Văn V khai mua xe của Triệu Văn N khi biết xe không đủ giấy tờ, giấy tờ không mang tên N nhưng vì giá rẻ và tin tưởng là xe của N nên vẫn mua; bị can Triệu Văn N khai chiếc xe không phải bán mà là cầm cố để vay tiền của V với lãi suất 4.000 đồng/1 triệu đồng/ ngày nhưng anh V không thừa nhận. Kết quả điều tra chưa có đủ căn cứ để xử lý anh V về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Kết quả định giá tài sản:

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 158/KL-HĐĐGTS ngày 27/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện LN, kết luận trị giá chiếc xe ô tô Mitsubishi XPander, biển kiểm soát 30H-604.53 thời điểm bị Triệu Văn N chiếm đoạt là là **560.000.000 đồng** *(năm trăm sáu mươi triệu đồng*).

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 20/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện LN, tỉnh Bắc Giang kết luận: 01 chiếc túi đeo chéo; 01 điện thoại Iphone 12 Pro max và 01 điện thoại Nokia 106 của anh Lưu Văn Đ tổng giá trị là **18.300.000 đồng** *(mười tám triệu ba trăm nghìn đồng).*

Kết quả giám định:

- Tại Bản kết luận giám định số 2006/KL-KTHS ngày 04/11/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận: *Chữ ký, chữ viết trên Giấy bán xe do anh Vũ Văn V giao nộp là do Triệu Văn N ký, viết ra.*

- Tại Bản kết luận giám định số 463/KL-KTHS ngày 20/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận về chữ ký, chữ viết trên hợp đồng anh

Phạm Bá D thuê xe ô tô của anh Phạm Tiến H: *Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết có nội dung "D- Phạm Bá Duy" dưới mục "Bên nhận xe" là do Phạm Bá Dký, viết ra.*

Về trách nhiệm dân sự: Anh Dkhông yêu cầu N phải bồi thường gì. Anh H đã được nhận lại xe ô tô biển kiểm soát 30H-604.53 của mình và không yêu cầu gì về bồi thường dân sự. Anh V đã nhận đủ số tiền 150.000.000 đồng do gia đình N khắc phục hậu quả thay cho N, đến nay anh V không yêu cầu gì thêm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2024/HS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Triệu Văn N 12 (mười hai) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam ngày 02/11/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/01/2024, bị cáo Phạm Văn N kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Triệu Văn N giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt. Bị cáo thừa nhận bản án sơ thẩm quy kết về hành vi phạm tội là đúng pháp luật, không oan. Bị cáo xin giảm hình phạt với lý do: Hoàn cảnh gia đình khó khăn, con nhỏ, bố mẹ già yếu và bị bệnh, lao động chính trong gia đình, mức án Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là nặng nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm án cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Triệu Văn N về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét kháng cáo của bị cáo thấy: Bị cáo có nhân thân xấu; bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã bồi thường cho bị hại; hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ nêu trên cho bị cáo và xử phạt bị cáo mứ án 12 năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa hôm nay, không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét bác kháng cáo của bị cáo, y án sơ thẩm.

Luật sư Thu bào chữa cho bị cáo: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo đã tác động bà Nguyễn Thị Tlà mẹ của bị cáo bồi thường cho V số tiền 150.000.000 đồng để khắc phục hậu quả nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, biết không thể trốn tránh được, bị cáo đã ra đầu thú và người bị hại, người có quyền lợi liên quan có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xem xét cho bị cáo được hưởng mức án 07 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan và người tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, tang vật thu giữ của vụ án, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Tối ngày 20/10/2022, Triệu Văn N có nhờ anh Phạm Bá Dthuê hộ chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, loại xe XPander, biển kiểm soát 30H-604.53 có trị giá 560.000.000 đồng (*năm trăm sáu mươi triệu đồng*) của anh Phạm Tiến H để làm phương tiện đi lại. Sau khi thuê được xe, do không có tiền để chi tiêu nên chiều ngày 21/10/2022, tại thôn NN, xã MA, huyện LN, tỉnh Bắc Giang, Triệu Văn N đã bán chiếc xe ô tô của anh H cho anh Vũ Văn V lấy số tiền 150.000.000 đồng *(một trăm năm mươi triệu đồng)*. Sau đó, N cắt liên lạc, đi vào miền N, số tiền bán xe N chi tiêu cá nhân và gửi về cho mẹ là bà Nguyễn Thị Tđể trả tiền viện phí cho con bị cáo. Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước, ảnh hưởng xấu đến an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội. Do đó, cần có hình phạt nghiêm đối với bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung về tội phạm.

[4] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nhưng có nhân thân xấu. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động bà Nguyễn Thị Tlà mẹ của bị cáo bồi thường cho anh V số tiền 150.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; bị cáo đã ra đầu thú và người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc, xem xét các tình

tiết giảm nhẹ nêu trên và xử phạt bị cáo mức án 12 năn tù là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[5] Đối với hành vi của các đối tượng Phạm Tiến H, Lưu Mạnh C, Phạm Bá Duy, Nguyễn Văn Q, Lê Quý Đ và 02 thanh niên (chưa rõ danh tính) tự ý lấy lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, loại xe XPander, biển kiểm soát 30H-604.53 và 02 chiếc điện thoại (tổng trị giá 18.300.000 đồng) của anh Lưu Văn Đ khi anh Đ1 là người đang trực tiếp quản lý mà không trình báo với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật là có dấu hiệu phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 170 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã hai lần trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang để điều tra bổ sung. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Giang và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tiến hành điều tra bổ sung mà cho rằng do các đối tượng nêu trên chỉ có ý thức lấy lại tài sản của mình nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Hội đồng xét xử thấy: Nhận định của Cơ quan điêu tra Công an tỉnh Bắc Giang và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang là không chính xác, hành vi của các đối tượng nêu trên có dấu hiệu phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản" như nhận xét của Bản án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục kiến nghị Cơ quan điêu tra Công an tỉnh Bắc Giang và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang, Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an điều tra, làm rõ về hành vi của các đối tượng Phạm Tiến H, Lưu Mạnh C, Phạm Bá Duy, Nguyễn Văn Q, Lê Quý Đ và 02 thanh niên (chưa rõ danh tính).

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Triệu Văn N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Triệu Văn N, giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2024/HSST ngày 25/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang về phần hình phạt, cụ thể:

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Triệu Văn N 12 (mười hai) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam ngày 02/11/2022.

2. Về án phí: Bị cáo Triệu Văn N phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ 1 – TANDTC;
- VKSND cấp cao Hà Nội;
- CQCSĐT - Bộ Công an;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo (qua TTG);
- Lưu: HSVA; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Thảo